

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/06/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Thìn

2. Bà Trần Thị Dần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23A/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31/05/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị M – Sinh năm: 1988

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Luông, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Mặc Hèo, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T – Sinh năm: 1983

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Luông, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” đề ngày 03/02/2023, anh Bùi Văn T và chị Quách Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Quách Thị M chung sống như vợ chồng từ

năm 2007, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau đó, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/02/2008. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Văn T và chị Quách Thị M có 02 con chung là cháu Bùi Tiêu T1, sinh ngày 03/07/2007 và cháu Bùi Văn T2, sinh ngày 01/11/2010. Ly hôn chị M yêu cầu giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản: Anh Bùi Văn T và chị Quách Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự Toà án đã thông báo về phiên họp hoà giải đoàn tụ cho anh T và chị M được biết nhưng anh T vắng mặt tại phiên họp không có lý do. Chị M vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong đơn yêu cầu và bản tự khai. Do anh T vắng mặt không có lý do tại phiên họp hoà giải đoàn tụ nên anh T, chị M không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ việc, chị M đã có đơn đề nghị chuyển vụ việc tranh chấp hôn nhân và gia đình sang giải quyết bằng vụ án và đề nghị giải quyết theo thủ tục chung. Do đó, Tòa án đã thông báo chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự và giải quyết theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được thông báo hợp lệ đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do. Chị M đề nghị Toà án mở phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt anh T và không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS, đồng thời đã thông báo kết quả phiên họp cho anh T được biết theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Tại phiên toà chị M vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Toà án triệu tập họp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự. HĐXX công bố công bố tóm tắt nội dung vụ án và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị M được ly hôn anh Bùi Văn T; Về con chung: Giao cháu Bùi Tiêu T1, sinh ngày 03/07/2007 và cháu Bùi Văn T2, sinh ngày 01/11/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự, do anh T vắng mặt tại phiên họp hoà giải đoàn tụ, dẫn đến hai bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ việc. Chị M có đơn đề nghị Tòa án chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự để giải quyết nên căn cứ khoản 5 Điều 397 BLTTDS, Tòa án chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự để giải quyết theo thủ tục chung.

Do trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được thông báo hợp lệ đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do. Chị M đề nghị Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đề nghị không tiến hành hoà giải nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt anh T và không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS, đồng thời đã thông báo kết quả phiên họp cho anh T được biết theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh T lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị M.

[2]. Về hôn nhân: Anh T và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/02/2008. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Việc này, đã được anh chị trình bày tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự đề ngày 03/02/2023 và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc anh T không trình bày ý kiến, không có mặt tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa chứng tỏ anh T đã có ý thức bỏ mặc, không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với chị M nữa. Bên cạnh đó chị M nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Quách Thị M được ly hôn anh Bùi Văn T.

[3]. Về con chung: Anh Bùi Văn T và chị Quách Thị M có 02 con chung là cháu Bùi Tiêu T1, sinh ngày 03/07/2007 và cháu Bùi Văn T2, sinh ngày 01/11/2010. Ly hôn chị M yêu cầu giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Xét thấy đây là ý chí ban đầu của anh T và chị M khi nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con. Sau đó mặc dù anh T không đến để tham gia các phiên họp hoà giải và các phiên Toà tại Toà án nhưng cũng không trình bày ý kiến nào khác về yêu cầu của chị M. Hơn nữa cháu Tình, cháu Thương đều đang sống cùng với anh T và có nguyện vọng muốn ở với bố, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng và nguyện vọng của các con nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị M giao cháu Tình và cháu Thương cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

[4]. Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến nào khác nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị M tự nguyện sẽ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị M được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Tiêu T1, sinh ngày 03/07/2007 và cháu Bùi Văn T2, sinh ngày 01/11/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của người chưa thành niên, chị M và anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con chưa thành niên khi có điều kiện và chứng cứ hợp pháp.

3. Về án phí: Chị Quách Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007956 ngày 24/02/2023. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị M, anh T. Chị M, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND xã TM;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân